

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TẠI ĐÀ NẴNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 208/2019/DS-PT

Ngày: 31-10-2019

V/v: "*Kiến đòi lại đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Tấn Trường**

Các Thẩm phán: **Ông Phạm Tôn**

**Ông Mai Xuân Thành**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/TBTL-TA ngày 08 tháng 8 năm 2019 về "*Kiến đòi lại đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*", do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình có kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1378 /2019/QĐ-PT ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn K, sinh năm 1975; bà Bùi Thị T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Th, xã H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Ông K, bà T có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông K, bà T:* Ông Vũ Xuân H; Địa chỉ: số 85, đường TTT, phường B2, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (*Theo văn bản ủy quyền số 78 ngày 19/4/2019*). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Cụ Nguyễn Thị M, sinh năm 1943; Địa chỉ: Thôn Th, xã H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của cụ M:* Ông Hoàng Trung L, sinh năm 1957; Địa chỉ: Thôn Th1, xã H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình (*Theo văn bản ủy quyền ngày 18 /7/2019*). Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Lê Minh T1 - Luật sư, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ: Tiểu khu 2, thị trấn Hoàn Lão, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Quang V – C/v: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình. Ông V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Người đại diện theo uỷ quyền:* Ông Đỗ Mạnh T2 – C/v: Trưởng Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện B (Theo văn uỷ quyền ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND huyện B). Ông T2 có đơn đề nghị xử vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị T3, sinh năm 1968; Địa chỉ: Xã S2, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Vắng mặt.

- Ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1968, vắng mặt;

- Bà Hoàng Thị T4, sinh năm 1970, vắng mặt;

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1973, vắng mặt;

- Ông Hoàng Văn N1, sinh năm 1975, vắng mặt;

- Ông Hoàng Văn A, sinh năm 1977, vắng mặt;

- Anh Hoàng Văn L2, sinh năm 1982, vắng mặt;

- Anh Hoàng Xuân V1, sinh năm 1986, vắng mặt;

Cùng Địa chỉ: Thôn Th, xã H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình;

- Chị Hoàng Thị B1, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn S1, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Chị B1; Vắng mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà (ông) Hoàng Thị T3, Hoàng Thị T4, Hoàng Ngọc S, Hoàng Văn A, Hoàng Thị N, Hoàng Thị B1 và anh Hoàng Văn L2 uỷ quyền cho ông Hoàng Trung L; Địa chỉ: Thôn Th1, xã H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Ông L có mặt.

**4. Người làm chứng:**

- Ông Nguyễn Văn S1, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn Th2, xã H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Có mặt.

- Ông Nguyễn Minh H2, sinh năm 1956; Địa chỉ: Thôn Th3, xã H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T trình bày:*

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, vợ chồng ông bà được Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện B, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) số AI 917200 với diện tích đất 2.426m<sup>2</sup> có rừng trồng sản xuất, thời hạn sử dụng đến năm 2050, tại thửa số 555, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại thôn Th, xã H1, huyện B. Nguồn gốc thửa đất trên là do bố, mẹ ông Nguyễn K khai hoang trước năm 1990 để

trồng mì (sắn), do ông K là con trai duy nhất ở chung cùng ông bà nên khi có chủ trương cấp GCNQSDĐ ông bà đã giao lại cho vợ chồng ông K đứng tên và trồng cây bạch đàn. Năm 2017, mưa bão đã làm đổ, gãy nhiều cây. Năm 2018 vợ chồng ông bà tiến hành thu dọn cây bị gãy, đổ để trồng lại cây mới thì thấy cụ Nguyễn Thị M là hộ có đất canh tác liền kề đã lấn chiếm trồng cây keo trên diện tích 2.222m<sup>2</sup> đất của ông bà, vụ việc đã được UBND xã H1 hòa giải nhưng không thành. Vì vậy ông bà làm đơn yêu cầu cụ Nguyễn Thị M trả lại toàn bộ diện tích đất đã lấn chiếm.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn cụ Nguyễn Thị M và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:*

Thửa đất hiện đang tranh chấp với vợ chồng ông K, bà T do vợ chồng cụ khai hoang trồng khoai, trồng môn trước năm 1990. Năm 1997 vợ chồng cụ trồng cây lâm nghiệp, năm 2014 cụ Hoàng Văn B3 chết, năm 2018 xảy ra tranh chấp với vợ chồng ông K, bà T. Hiện nay diện tích đất này gia đình cụ chưa được cấp có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ hoặc các giấy tờ khác liên quan đến thửa đất. Để đảm bảo quyền lợi cho gia đình cụ, cụ M yêu cầu Tòa án hủy toàn bộ GCNQSDĐ của UBND huyện B đã cấp cho vợ chồng ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T tại thửa số 555, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại thôn Th, xã H1, huyện B.

*Tại Công văn số 58/UBND ngày 09 tháng 01 năm 2019, UBND huyện B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày:*

Ngày 09/11/2007 ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, quá trình đo đạc, hoàn thiện hồ sơ các hộ liền kề ký xác nhận ranh giới thửa đất, trong đó có hộ ông B3, bà M. Ngày 30 tháng 11 năm 2009 UBND huyện B đã cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T tại thửa số 555, tờ bản đồ số 29 xã H1 với diện tích 2.426m<sup>2</sup> với vị trí như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 556; phía Tây giáp thửa đất số 554 của hộ cụ Nguyễn Thị M; phía Nam giáp thửa đất số 561; phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý. Đối với hộ ông Nguyễn Văn B3, bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ vào ngày 07/11/2007. Sau khi đo đạc chỉ có ông Nguyễn Tân L1 là hộ liền kề ký xác nhận. Ngày 30/11/2009 UBND huyện B cấp GCNQSDĐ cho cụ B3, cụ M tại thửa số 554, tờ bản đồ số 29 xã H1 với diện tích 2.796m<sup>2</sup> đất với vị trí như sau: Phía Đông giáp thửa đất số 555 của hộ ông Nguyễn K; phía Tây giáp thửa đất số 557; phía Nam giáp thửa đất số 561; phía Bắc giáp đất UBND xã quản lý. Quá trình cấp GCNQSDĐ cho hai hộ gia đình không có khiếu nại, kiến nghị gì, quy trình cấp GCNQSDĐ đã được thực hiện đúng quy định. Vì vậy, UBND huyện B đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

*Tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa ông Hoàng Trung L người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các bà (ông) Hoàng Thị T3, bà Hoàng Thị T4, Hoàng Ngọc S, Hoàng Thị N, Hoàng Văn A, Hoàng*

Thị B1 và anh Hoàng Văn L2 trình bày:

Trong thời gian chung sống chung với bố mẹ (cụ Hoàng Văn B3, cụ Nguyễn Thị M) những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cùng bố, mẹ khai hoang trồng cây tại thửa đất đang tranh chấp với ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T nhưng quá trình sử dụng đất cụ B3, cụ M chưa có các giấy tờ liên quan đến quyền quản lý, sử dụng thửa đất đang tranh chấp. Vì vậy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ của UBND huyện B đã cấp cho nguyên đơn.

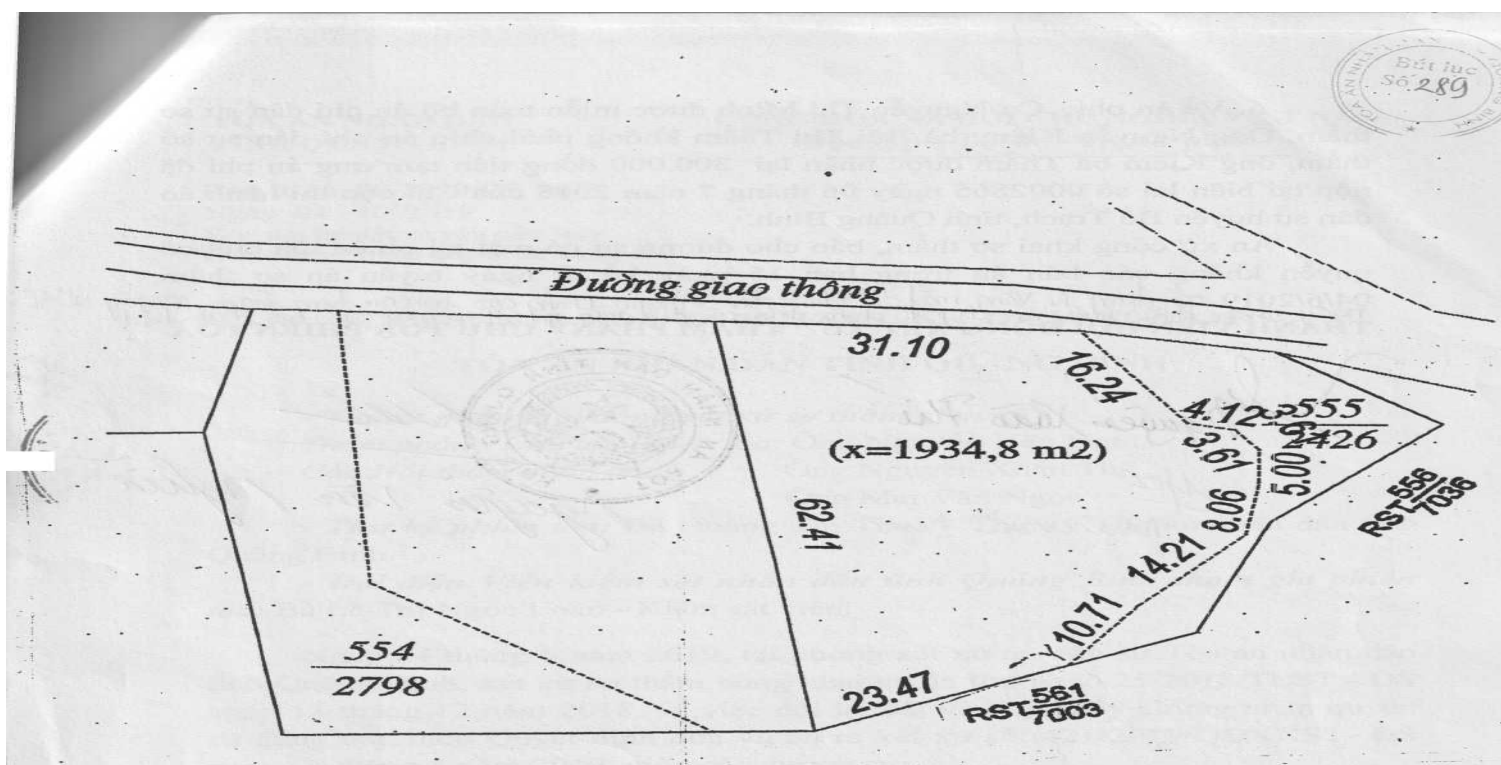
Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 04/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34, Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, Điều 105 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi của ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T về việc buộc cụ Nguyễn Thị M trả lại diện tích đất đã lấn chiếm.

Buộc cụ Nguyễn Thị M trả lại cho ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T 1.934,8 m<sup>2</sup> đất có rừng trồng sản xuất tại thửa đất 555, tờ bản đồ số 29 xã H1, huyện B. Kích thước diện tích đất như sau: Phía Tây giáp đất của cụ Nguyễn Thị M dài 62,41 mét, phía Bắc giáp đường giao thông liên thôn dài 31,10 mét, phía Nam giáp thửa đất số 561 của ông Nguyễn Tân L1 dài 23.47 mét, phía Đông giáp đất ông K, bà T dài 52,83 mét.

Sơ đồ diện tích đất như sau:



Ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ số cây keo cụ Nguyễn Thị M đã trồng trên diện tích 1.934,8 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 555, tờ bản đồ số 29 xã H1, huyện B. Nhưng ông K, bà T có nghĩa vụ trả cho cụ Nguyễn Thị M 3.810.000 đồng (ba triệu, tám trăm mười ngàn đồng) giá trị cây keo cụ M đã trồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của cụ Nguyễn Thị M về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 917200 ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

*Ngày 14/6/2019, bà Nguyễn Thị M kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, với các lý do:*

Thửa đất số 555 và 554 với tổng diện tích là 5.524m<sup>2</sup> có nguồn gốc là một thửa do vợ chồng bà khai hoang trồng cây từ những năm 1990. Đến năm 2018 vợ chồng anh K cho rằng gia đình bà đã trồng cây trên đất của anh chị đã được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận QSDĐ từ năm 2009 nên đã làm đơn khởi kiện. Nguyên nhân dẫn đến tranh chấp là do thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cấp có thẩm quyền huyện B không đúng quy trình, không công khai, có dấu hiệu vi phạm. Điều đó đã được thể hiện trong hồ sơ. Ông Hoàng Văn B3 không biết chữ nhưng lại ký trong hồ sơ?. Hồ sơ cấp đất lại không xác định hộ liền kề... Giấy chứng nhận QSDĐ mang tên Nguyễn Văn K, nhưng người đứng tên trong đơn khởi kiện lại là Nguyễn K?. Chính vì thế nên ngày 02-5-2019 VKSND tỉnh Quảng Bình đã ban hành công văn số: 796/YC-VKS-DS gửi TAND tỉnh Quảng Bình đề nghị “Xác minh, thu thập chứng cứ”, cụ thể:

- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với trường hợp ông Nguyễn K (theo giấy khai sinh, CMND) và ông Nguyễn Văn K (theo giấy chứng nhận QSDĐ năm 2009) hai người có phải là một không?;

- Thu thập Hồ sơ kỹ thuật đối với thửa đất của hai hộ ông, bà Nguyễn Văn K, Bùi Thị T và hộ ông, bà Hoàng Văn B3, Nguyễn Thị M khi xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007; bản đồ giải thửa của thôn Th, xã H1, huyện B trước khi làm thủ tục cấp đất cho hai hộ năm 2009.

Ngày 03-5-2019 TAND tỉnh Quảng Bình đã có Công văn đến UBND huyện B và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B yêu cầu cung cấp tài liệu trên nhưng không có văn bản phản hồi. Điều này đã được khẳng định tại Bản án.

UBND huyện B được xác định là bên có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng lại vắng mặt tại phiên tòa.

Chính vì vậy, nên đại diện Viện kiểm sát tham gia tố tụng tại phiên tòa đã đề nghị HĐXX cho tạm ngưng phiên tòa. Đó là một đề nghị có căn cứ, nhưng tiếc rằng đã

không được HĐXX chấp nhận .

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M là ông Huỳnh Trung L giữ nguyên nội dung kháng cáo như đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị M. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M cho rằng bà M không tranh chấp đất với ông K, mà chỉ muốn làm rõ việc cấp đất của UBND huyện B, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, do vậy đề nghị HĐXX cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về cấp sơ thẩm làm rõ. Đại diện nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của đại diện bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm vì tại phiên tòa hôm nay luật sư của bị đơn cũng khẳng định là không có tranh chấp đất với nguyên đơn. Như vậy các bên không hòa giải được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự còn nhiều sai sót chưa được làm rõ. Về nội dung, bà Nguyễn Thị M kháng cáo, nay người đại diện bị đơn vẫn giữ nguyên các nội dung kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm, tuy không đưa ra được chứng cứ mới nào, nhưng do Tòa cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm, bỏ lọt nhiều người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại.

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Những người có mặt và Kiểm sát viên đề nghị vẫn tiếp tục xét xử, nguyên đơn đề nghị chấp nhận hai người làm chứng tại phiên tòa, HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xem xét nguồn gốc thửa đất số 544 và 555 là một thửa do vợ chồng bà M ông B3 khai hoang có diện tích là 5.524m<sup>2</sup> và trồng cây vào những năm 1990. Xét thấy, tại hồ sơ thể hiện: Tờ trình ngày 16/10/2018 bà Nguyễn Thị Hai cùng chồng là ông Nguyễn Văn Đ1 (cha mẹ ông K) đã khai hoang vào năm 1970 có sự xác nhận của 21 người dân địa phương và những người sử dụng đất liền kề như các ông bà: Nguyễn Minh L3, Hoàng Xuân H3, Nguyễn Tân L1, Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn H4, Hoàng Văn H5, Nguyễn Văn H6, Hoàng Văn T4, Cao Thị Đ2, Mai Văn L4, Nguyễn Văn P1, Nguyễn Văn S1, Hoàng T5, Nguyễn Văn B4, Nguyễn M, Hoàng T6, Nguyễn Văn Q, Hoàng Văn L5, Nguyễn Văn H7, Nguyễn Xuân B5 và Nguyễn Minh H2. Tại phiên tòa

hôm nay các ông Nguyễn Văn H7, Nguyễn Văn S1 khẳng định lại là các ông đã thấy vợ chồng ông Đ1, bà Hai trồng trọt trên thửa đất này vào những năm 1970 -1974 đến nay. Như vậy, xét về nguồn gốc thửa đất tranh chấp thì thấy vợ chồng ông K được nhiều người dân địa phương xác nhận, trong khi bà M cho rằng bà khai hoang nhưng không có ai xác nhận và cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Còn ông Huỳnh Trung L đại diện cho bà M cho rằng nguồn gốc thửa đất tranh chấp là do bà M mua của Ban nhân dân thôn 400.000 đồng, nhưng ông không cung cấp được chứng cứ nào để chứng minh. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất là của ông K, bà T là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà M cho rằng thủ tục cấp giấy CNQSDĐ đất số AI 917200 ngày 30/11/2009 của UBND huyện B cho hộ ông Nguyễn Văn K là không đúng quy trình, có dấu hiệu vi phạm với các lý do là ông B3 không biết chữ mà ký tứ cận, cấp cho Nguyễn Văn K, nhưng người đi kiện là Nguyễn K, HĐXX thấy rằng: Tại các tài liệu hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ cho 02 hộ liền kề và Văn bản số 58/UBND ngày 09/01/2019 của UBND huyện B thể hiện đầy đủ quy trình lập hồ sơ thủ tục để cấp Giấy CNQSDĐ cho hộ bà M 2.796m<sup>2</sup> đất và hộ ông K bà T 2.426m<sup>2</sup> từ tháng 11/2007 đến tháng 11/2009 là 02 năm nhưng không có ai khiếu nại, khởi kiện. Hơn nữa đây là hai thửa đất liền kề, bà M cho rằng bà khai hoang toàn bộ nhưng bà M chỉ lập hồ sơ kê khai một nửa đất còn một nửa đất lại không L hồ sơ là không phù hợp với thực tế. Đối với việc kháng cáo cho rằng chồng bà là ông B3 không biết chữ nhưng trong hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ có chữ ký của ông B3, nay ông B3 đã chết nhưng bà M không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là ông B3 không biết chữ, nên yêu cầu trên không được cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ. Đối với kháng cáo về tên của ông K, bà cho rằng tại Hộ khẩu và Chứng minh nhân dân có tên là Nguyễn K, nhưng Giấy CNQSDĐ mang tên là Nguyễn Văn K là không đúng. HĐXX xét thấy tại hồ sơ thể hiện giấy CMND cấp ngày 06/8/1999 và Giấy khai sinh cấp ngày 03/3/2010 mang tên Nguyễn K, tuy nhiên khi nộp hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ ông K nộp Sổ hộ khẩu gia đình cấp ngày 09/02/2004 mang tên Nguyễn Văn K, nên cơ quan chức năng lập hồ sơ theo hộ khẩu, giải trình cho việc này ông K cho rằng do công an làm hộ khẩu có sự nhầm lẫn nhưng không sửa lại. Tại phiên tòa hôm nay ông L người đại diện cho bị đơn cũng thừa nhận tại địa phương không có ai trùng tên với ông K; Hơn nữa tại Giấy CNQSDĐ ngoài tên ông Nguyễn Văn K còn có tên bà Bùi Thị T là vợ ông K và năm sinh của ông bà đều năm 1975 phù hợp với CMND và hộ khẩu của ông bà, nên có cơ sở khẳng định ông Nguyễn K và ông Nguyễn Văn K tại xã H1, huyện B là một người.

[4] Qua phân tích đánh giá toàn bộ chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, HĐXX thấy rằng nguồn gốc thửa đất tranh chấp mà bà M (ông L) nêu ra là bất nhất mâu thuẫn, còn của ông K bà T chứng minh là có cơ sở vững chắc, đáng tin cậy. Quy trình cấp Giấy CNQSDĐ cho 02 hộ gia đình là đúng đủ trình tự, thủ tục; bà

M nhận Giấy CNQSDĐ 10 năm qua bà và 09 người con trong gia đình không ai có ý kiến. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của ông K bà T buộc bà M phải trả lại 1.934,8m<sup>2</sup> đất lấn chiếm và bác yêu cầu phản tố của bà M về việc yêu cầu hủy Giấy CNQSDĐ đã cấp cho ông K bà T là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[5] Đối với quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, đề nghị hủy án Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giao hồ sơ về giải quyết lại vì có sai sót và vi phạm thủ tục tố tụng. HĐXX xét thấy việc không đưa các người con của vợ chồng ông K bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là có thiếu sót nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, hơn nữa trong vụ án này quyền lợi của hộ gia đình ông K bà T không bị thiệt hại. Đối với 09 người con của bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án cấp sơ thẩm tổng đạt thủ tục hợp lệ, nhưng chỉ có 07 người lập thủ tục ủy quyền cho ông L, còn ông Hoàng Văn N1 và ông Hoàng Xuân V1 từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, sau phiên tòa sơ thẩm ông N1 và ông Văn cũng không kháng cáo. Đối với những vấn đề khác đã được HĐXX làm rõ tại phiên tòa. Do vậy không có căn cứ để hủy án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của cụ Nguyễn Thị M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào Điều 34, Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 101, Điều 105 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi của ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T về việc buộc cụ Nguyễn Thị M trả lại diện tích đất đã lấn chiếm.

Buộc cụ Nguyễn Thị M trả lại cho ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T 1.934,8 m<sup>2</sup> đất có rừng trồng sản xuất tại thửa đất 555, tờ bản đồ số 29 xã H1, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Kích thước diện tích đất như sau: Phía Tây giáp đất của cụ Nguyễn Thị M dài 62.41 mét, phía Bắc giáp đường giao thông liên thôn dài 31.10 mét, phía Nam giáp thửa đất số 561 của ông Nguyễn Tân L1 dài 23.47 mét, phía Đông giáp đất ông K, bà T dài 52.83 mét (Có sơ đồ diện tích đất kèm theo).



Ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ số cây keo cụ Nguyễn Thị M đã trồng trên diện tích 1.934.8 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 555, tờ bản đồ số 29 xã H1, huyện B. Nhưng ông K, bà T có nghĩa vụ trả cho cụ Nguyễn Thị M 3.810.000 đồng (*ba triệu tám trăm mười ngàn đồng*) giá trị cây keo cụ M đã trồng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của cụ Nguyễn Thị M về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 917200 ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn K, bà Bùi Thị T.

Về án phí: Cụ Nguyễn Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 31/10/2019).

***Nơi nhận:***

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Tấn Trường**